TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/DS-ST.
Ngày: 28-02-2019.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 228/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2019/QĐST-DS ngày 28/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lai Bạch H, nơi cư trú: Số nhà 01, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1960, nơi cư trú: Số nhà 14, ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 15/02/2007 bà H cho cho bà C vay tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất là 1% tháng. Đến ngày 08/5/2011 bà C quyết toán còn nợ bà H số tiền 48.880.000 đồng, sau đó bà C viết biên nhận và cam kết sẽ đóng lãi 2% tháng từ ngày 10/3/2008 nhưng bà C không thực hiện.

Nay bà H yêu cầu buộc bà C trả cho bà số tiền 48.880.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong các lần hòa giải bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do (không hợp tác).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thì bà H có cho bà C nợ số tiền 48.880.000 đồng, đến nay bà C chưa trả, hai bên không tự giải quyết được nên đã xãy ra tranh chấp.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, được xác định là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Đồng thời, bị đơn đã được triệu tập hợp lề lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn đề ghị xét xử vắng mặt , nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án , căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thể hiện việc bà Nguyễn Thị C có nợ bà Lai Bạch H số tiền 48.880.000 đồng là sự thật (biên nhận ngày 08/5/2011), trong biên nhận không ghi thời hạn trả đủ số nợ đã nêu, nên vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện, bà H kiện là đúng. Khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bà C nhiều lần nhưng ba không hợp tác , không đến tham gia hòa giải, từ căn cứ vừa nêu trên , xét thấy việc bà H yêu cầu bà C trả số nợ 48.880.000 đồng là đúng quy định của pháp luật , phù hợp với các Điều 471, 472,473, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự 2005, vì giao dịch trên được thực hiện năm 2008. Đồng thời, bà H có yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2019) là có căn cứ chấp nhận , vì trong biên nhận bà C thừa nhận đã nợ tiền lãi từ ngày 10/3/2008, như vậy lãi suất được tính như sau : Số tiền 48.880.000đ x 4007 ngày (Từ ngày 10/3/2008 - 28/02/2019) x (9% x 150%)/365 ngày = 72.442.169 đồng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tính bằng 5% giá trị trên tổng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn, như vậy án phí bà C phải nộp là 6.066.000 đồng.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 472, 473, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lai Bạch H ; buộc Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho bà H các khoản tiền như sau:

- Tiền vố vay (nợ gốc) là 48.880.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu tám trăm tám chục ngàn đồng*).

- Tiền lãi (tính từ 10/3/2008 đến 28/02/2019) là 72.442.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn đồng*).

Tổng cộng bằng 121.322.000 đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi hai ngàn đồng*).

* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị C phải nộp là 6.066.000 đồng (*Sáu triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)*, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lai Bạch H không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.107.000 đồng (*Bốn triệu một trăm lẻ bảy ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0004008 ngày 25/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được hoàn trả lại cho bà H.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng